

SỞ GD VÀ ĐT QUẢNG NGÃI  
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

Số: 43 /QĐ-LQĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Sơn, ngày 06 tháng 8 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của trường THPT Lê Quý Đôn

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ quyết định số 167/QĐ-SGDĐT ngày 25/7/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Căn cứ thuyết minh dự toán thu chi ngân sách năm 2025 của trường THPT Lê Quý Đôn;*

*Xét đề nghị của kế toán trường THPT Lê Quý Đôn về việc công khai dự toán năm 2025;*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của trường THPT Lê Quý Đôn theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Thời gian công khai và hình thức công khai:

- Thời gian công khai: 30 ngày kể từ ngày công khai;
- Hình thức công khai: đăng tải trên Websibe đơn vị, niêm yết bản tin phòng hội đồng.
- Địa điểm công khai: Trường THPT Lê Quý Đôn;

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Tổ trưởng hành chính, kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Sở GD và ĐT (b/cáo)
- Thông báo ở bản tin phòng HĐ;
- Websibe trường
- Lưu :VT, KT

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Chấn Thi**



SỞ GD VÀ ĐT QUẢNG NGÃI  
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

Chương : 422-070-074

**CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 43/QĐ-LQĐ ngày 06/8/2025 của trường THPT Lê Quý Đôn)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT:đồng

| STT          | CHỈ TIÊU                                                                               | Hệ số    | Dự toán               |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------|
| <b>A</b>     | <b>B</b>                                                                               | <b>1</b> | <b>2</b>              |
| <b>A</b>     | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                                     |          | <b>1.303.000.000</b>  |
| 1            | Số thu học phí                                                                         |          | 1.303.000.000         |
| 2            | Số thu dạy thêm, học thêm (10% CSVC)                                                   |          |                       |
|              |                                                                                        |          |                       |
| <b>B</b>     | <b>DỰ TOÁN CHI ( TC + KTC + HP )</b>                                                   |          | <b>12.295.904.766</b> |
|              | <b>DỰ TOÁN CHI NSNN ( TC + KTC)</b>                                                    |          | <b>10.992.904.766</b> |
| <b>I</b>     | <b>KINH PHÍ TỰ CHỦ</b>                                                                 |          | <b>10.672.529.766</b> |
| <b>I.1</b>   | <b>KINH PHÍ CHI CHO CON NGƯỜI</b>                                                      |          | <b>9.234.274.364</b>  |
|              | Biên chế được giao năm 2025 theo QĐ 36/QĐ-SGDĐT ngày 14/01/2025                        | 84       |                       |
|              | Biên chế hiện có mặt đến ngày 01/7/2025                                                | 83       |                       |
| <b>1</b>     | <b>Tiền lương, phụ cấp lương ( 2.3400.000 đồng )</b>                                   |          | <b>7.867.134.869</b>  |
|              | Lương cấp bậc                                                                          | 359,240  | 5.043.729.600         |
|              | Phụ cấp chức vụ                                                                        | 5,750    | 80.730.000            |
|              | Phụ cấp thâm niên vượt khung:                                                          | 3,569    | 50.108.760            |
|              | Phụ cấp thâm niên nghề :                                                               | 65,833   | 924.295.320           |
|              | Phụ cấp ưu đãi :                                                                       | 105,543  | 1.481.823.720         |
|              | Phụ cấp cấp ủy :                                                                       | 1,50     | 21.060.000            |
|              | Phụ cấp trách nhiệm, độc hại :                                                         | 1,40     | 19.656.000            |
|              | Nâng lương 2025 ( thường xuyên và trước hạn ), nâng PCUD do nâng lương, nâng PCTNNG... |          | 100.000.000           |
|              | Nâng PC ưu đãi do nâng lương 2025                                                      | 0        | 30.000.000            |
|              | Nâng PC thâm niên nhà giáo 2025                                                        |          | 30.000.000            |
|              | Truy GV thẳng hạn năm 2025 + BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ                                    |          |                       |
|              | Lương và PC giáo viên còn thiếu theo chỉ tiêu ( 1 người):                              | 2,34     | 85.731.469            |
| <b>2</b>     | <b>Các khoản đóng góp</b>                                                              |          | <b>1.367.139.495</b>  |
|              | Đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ : x 23,5%                                                  | 435,792  | 1.367.139.495         |
| <b>I.2</b>   | <b>KINH PHÍ CHI HOẠT ĐỘNG</b>                                                          |          | <b>1.438.255.402</b>  |
| <b>I.2.1</b> | <b>NHÓM CHI HÀNH CHÍNH</b>                                                             |          | <b>294.400.000</b>    |
| <b>1</b>     | <b>Dịch vụ công cộng :</b>                                                             |          | <b>78.000.000</b>     |
|              | Điện thấp sáng : 12.000.000 đ * 6 tháng                                                |          | 72.000.000            |



|              |                                                                   |  |                    |
|--------------|-------------------------------------------------------------------|--|--------------------|
|              | Vệ sinh môi trường : 1.000.000 đ/tháng * 6 tháng                  |  | 6.000.000          |
| <b>2</b>     | <b>Vật tư văn phòng :</b>                                         |  | <b>42.600.000</b>  |
|              | Giấy in A4 HC : 80 ram * 80.000 đ                                 |  | 6.400.000          |
|              | Viết cho hành chính: 10 cây * 10 người * 10.000đ/cây              |  | 1.000.000          |
|              | Công cụ dụng cụ văn phòng                                         |  | 10.000.000         |
|              | Vật tư văn phòng khác ( bình ly, phích, xô, chổi, ... )           |  | 10.000.000         |
|              | Mực máy in : 2 hộp * 850.000 đ * 6 máy VP                         |  | 10.200.000         |
|              | Mực sạc máy in : 4 hộp/máy * 100.000 đ * 6 máy VP                 |  | 5.000.000          |
| <b>3</b>     | <b>Thông tin, tuyên truyền liên lạc:</b>                          |  | <b>12.600.000</b>  |
|              | Internet: 500.000đ/ tháng * 6 tháng                               |  | 3.000.000          |
|              | Điện thoại : 500.000 đ/tháng *6 tháng                             |  | 3.000.000          |
|              | Sách, báo, tạp chí thư viện 3.000.000 đồng/quý *2 quý             |  | 6.000.000          |
|              | Thuê bao truyền hình cáp 100.000 đ/tháng x 6 tháng                |  | 600.000            |
| <b>4</b>     | <b>Phúc lợi tập thể :</b>                                         |  | <b>26.200.000</b>  |
|              | Nước uống GV : 30.000đ/gv/tháng *90 CBGV *6 tháng                 |  | 16.200.000         |
|              | Nước uống các ngày lễ, nước uống tiếp khách                       |  | 5.000.000          |
|              | Nước uống cho hội nghị                                            |  | 5.000.000          |
| <b>5</b>     | <b>Công tác phí :</b>                                             |  | <b>135.000.000</b> |
|              | Vé tàu xe đi công tác :                                           |  | 50.000.000         |
|              | Phụ cấp công tác phí :                                            |  | 50.000.000         |
|              | Thuê phòng ngủ trọ :                                              |  | 35.000.000         |
|              | Khoản công tác phí : 500.000 đ/người/tháng x 12 tháng x 2 người   |  |                    |
| <b>I.2.2</b> | <b>NHÓM CHI CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ</b>                              |  | <b>719.878.800</b> |
| <b>*</b>     | <b>Nghiệp vụ chuyên môn :</b>                                     |  | <b>270.000.000</b> |
|              | Khoản giáo án, phần, viết cho giáo viên :                         |  | 50.000.000         |
|              | Sổ hội họp : 100 quyển x 50.000 đ/quyển                           |  | 5.000.000          |
|              | Mua vật dụng phục vụ cho công tác đổi mới CT GDPT                 |  | 20.000.000         |
|              | Sổ chuyên môn các loại (Sổ điểm, báo giảng, dự giờ...)            |  | 30.000.000         |
|              | Trang phục dạy môn TD :                                           |  | 18.000.000         |
|              | Trang phục dạy môn GDQP :                                         |  | 7.000.000          |
|              | Mua phôi liệu thực hành môn Sinh - công nghệ                      |  | 5.000.000          |
|              | Mua sách giáo khoa, sách giáo viên                                |  | 10.000.000         |
|              | Mua đồ dùng dạy học các môn, hóa chất các loại                    |  | 20.000.000         |
|              | Khen thưởng HSXS, HSG cuối năm học 2024-2025                      |  |                    |
|              | Mua hoa khai giảng, tổng kết, các ngày lễ                         |  | 5.000.000          |
|              | Cắt băng rôn, khẩu hiệu khai giảng, tổng kết, các ngày lễ, kỳ thi |  | 5.000.000          |
|              | Mua giấy khen, in bì thư...                                       |  | 5.000.000          |
|              | Phô tô tài liệu chuyên môn, công văn,...                          |  | 10.000.000         |
|              | Báo cáo viên (GV đi tập huấn về tập huấn lại tại trường)          |  | 20.000.000         |

|   |                                                                        |                   |
|---|------------------------------------------------------------------------|-------------------|
|   | Dạy bồi dưỡng học sinh giỏi thi cấp tỉnh lớp 11, lớp 12                | 60.000.000        |
| * | <b>Thi học sinh giỏi văn hóa cấp trường khối 11 (PL 3, NQ 17/2023)</b> | <b>0</b>          |
| * | <b>Thi học sinh giỏi văn hóa cấp trường khối 12 (PL 3, NQ 17/2023)</b> | <b>15.220.000</b> |
|   | Ra đề thi: chủ tịch 1 người x 320.000 đ/người/ngày                     | 320.000           |
|   | Ra đề thi: phó chủ tịch 2 người x 280.000 đ/người/ngày                 | 560.000           |
|   | Ra đề thi: 6 đề x 240.000 đ/đề thi                                     | 1.440.000         |
|   | Ra đề thi: thư ký 1 người x 280.000 đ/người/ngày                       | 280.000           |
|   | Ra đề thi: phục vụ, y tế 4 người x 100.000 đ/người/ngày                | 400.000           |
|   | Coi thi: chủ tịch 1 người x 260.000 đ/người/ngày                       | 260.000           |
|   | Coi thi: phó chủ tịch 2 người x 220.000 đ/người/ngày                   | 440.000           |
|   | Coi thi: thư ký, giám thị 6 người x 170.000 đ/người/ngày               | 1.020.000         |
|   | Coi thi: phục vụ, y tế 4 người x 100.000 đ/người/ngày                  | 400.000           |
|   | Chấm thi: chủ tịch 1 người x 260.000 đ/người/ngày                      | 260.000           |
|   | Chấm thi: phó chủ tịch 2 người x 220.000 đ/người/ngày                  | 440.000           |
|   | Chấm thi: thư ký, giám khảo 20 người x 200.000 đ/người/ngày            | 4.000.000         |
|   | Chấm thi: phục vụ, y tế 4 người x 100.000 đ/người/ngày                 | 400.000           |
|   | Khen thưởng học sinh đạt giải                                          | 5.000.000         |
| * | <b>Thi học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh lớp 12 : 25 học sinh</b>         | <b>12.750.000</b> |
|   | Thuê xe : 2 xe x 2.000.000 đ/xe                                        | 4.000.000         |
|   | Tiền ăn học sinh 25 x 150.000 đ/hs                                     | 3.750.000         |
|   | Khen thưởng GV có HS đạt giải                                          | 5.000.000         |
| * | <b>Cuộc thi HS với ý tưởng khởi nghiệp cấp tỉnh (PL 4, NQ 17/2023)</b> | <b>0</b>          |
| * | <b>Thi giáo viên dạy giỏi cấp trường 15 GV (PL 6, NQ 17/2023)</b>      | <b>18.210.000</b> |
|   | Ra đề thi: chủ tịch 1 người x 320.000 đ/người/ngày                     | 320.000           |
|   | Ra đề thi: phó chủ tịch 2 người x 280.000 đ/người/ngày                 | 560.000           |
|   | Ra đề thi: 10 người x 280.000 đ/ngày/người                             | 2.800.000         |
|   | Ra đề thi: thư ký 1 người x 250.000 đ/người/ngày                       | 250.000           |
|   | Ra đề thi: phục vụ, y tế 4 người x 100.000 đ/người/ngày                | 400.000           |
|   | Coi thi: chủ tịch 1 người x 320.000 đ/người/ngày                       | 320.000           |
|   | Coi thi: phó chủ tịch 2 người x 280.000 đ/người/ngày                   | 560.000           |
|   | Coi thi: thư ký, giám thị 6 người x 220.000 đ/người/ngày               | 1.320.000         |
|   | Coi thi: phục vụ, y tế 4 người x 100.000 đ/người/ngày                  | 400.000           |
|   | Chấm thi: chủ tịch 1 người x 320.000 đ/người/ngày                      | 320.000           |
|   | Chấm thi: phó chủ tịch 2 người x 280.000 đ/người/ngày                  | 560.000           |
|   | Chấm thi: thư ký, giám khảo 20 người x 250.000 đ/người/ngày            | 5.000.000         |
|   | Chấm thi: phục vụ, y tế 4 người x 100.000 đ/người/ngày                 | 400.000           |
|   | Khen thưởng GV đạt giải                                                | 5.000.000         |
| * | <b>Hoạt động giáo dục thể chất</b>                                     | <b>76.000.000</b> |
|   | Hoạt động hướng nghiệp                                                 | 10.000.000        |

|              |                                                                                   |  |                    |
|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------|
|              | Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp Khối lớp 10/2 hoạt động                     |  | 20.000.000         |
|              | Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp Khối lớp 11/2 hoạt động                     |  | 20.000.000         |
|              | Văn nghệ chào mừng khai giảng năm học                                             |  | 3.000.000          |
|              | Kỷ niệm ngày thành lập Hội LHTNVN                                                 |  | 3.000.000          |
|              | Ngoại khóa 20/10                                                                  |  | 5.000.000          |
|              | Thi tìm kiếm tài năng, chào mừng 20/11                                            |  | 15.000.000         |
| *            | <b>Thừa giờ</b>                                                                   |  | <b>130.000.000</b> |
|              | Thừa giờ hành chính, trực lễ, bảo lự                                              |  | 70.000.000         |
|              | Thừa giờ các hoạt động ngoại khoá                                                 |  | 30.000.000         |
|              | Thừa giờ do có GV nghỉ ốm đau, thai sản, đi học                                   |  | 30.000.000         |
| *            | <b>Phụ cấp giáo viên thể dục, GDQP-AN</b>                                         |  | <b>41.698.800</b>  |
|              | PC ngoài trời GVTD : 2 t/tuần x 18 tuần x 33 lớp x 23.400 đ/t                     |  | 27.799.200         |
|              | PC ngoài trời GV GDQP : 1 t/tuần x 18 tuần x 33 lớp x 23.400 đ/t                  |  | 13.899.600         |
| *            | <b>Chi phí thuê mướn</b>                                                          |  | <b>110.000.000</b> |
|              | Tiền công trang trí khai giảng, tổng lễ, các ngày lễ, các kỳ thi                  |  | 10.000.000         |
|              | Chi phí thuê mướn khác                                                            |  | 100.000.000        |
| *            | <b>Tiền thưởng :</b>                                                              |  | -                  |
|              | Khen thưởng CSTĐCS : 13 người x 2,340,000 đ/người                                 |  |                    |
|              | Khen thưởng CBGV đạt danh hiệu LĐTTH NH 2024- 2025 : 71 người x 2.340.000 đ x 0,3 |  |                    |
| <b>I.2.3</b> | <b>NHÓM CHI MUA SẮM SỬA CHỮA</b>                                                  |  | <b>340.000.000</b> |
| <b>1</b>     | <b>Sửa chữa thường xuyên :</b>                                                    |  | <b>300.000.000</b> |
|              | Sửa chữa điện nước, máy móc thiết bị, phòng học, nhà cửa                          |  | 100.000.000        |
|              | Sửa chữa nhà vệ sinh ( nhà đa năng)                                               |  | 50.000.000         |
|              | Sơn lại dãy 8 phòng học 2 tầng                                                    |  | 50.000.000         |
|              | Bắt đường truyền internet toàn trường để dạy học                                  |  | 50.000.000         |
|              | Sửa chữa khác                                                                     |  | 50.000.000         |
|              | <b>Mua sắm TSCĐ :</b>                                                             |  | <b>40.000.000</b>  |
|              | Mua trống trường                                                                  |  | 20.000.000         |
|              | Bắt camera                                                                        |  | 20.000.000         |
|              |                                                                                   |  |                    |
| <b>1.2.4</b> | <b>NHÓM CHI KHÁC</b>                                                              |  | <b>83.976.602</b>  |
|              | Tiếp khách                                                                        |  | 30.000.000         |
|              | Chi khác                                                                          |  | 28.031.202         |
|              | Chi hỗ trợ các công tác khác                                                      |  | 25.945.400         |
| <b>II</b>    | <b>KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ ( 12 )</b>                                               |  | <b>320.375.000</b> |
| <b>2.1</b>   | <b>Tăng cường cơ sở vật chất :</b>                                                |  | -                  |
| <b>2.2</b>   | <b>Cấp bù học phí theo nghị định 86/NĐ-CP và hỗ trợ chi phí học tập</b>           |  | <b>18.375.000</b>  |
|              | - Cấp bù học phí                                                                  |  | 10.000.000         |



|            |                                                                                                     |  |                      |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------|
|            | - Hỗ trợ chi phí học tập                                                                            |  | 8.375.000            |
| 2.3        | <b>KP thực hiện chính sách đối với người khuyết tật theo TTLT 42/2013</b>                           |  | <b>50.000.000</b>    |
|            | KP thực hiện chính sách đối với người khuyết tật theo TTLT 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC           |  | 50.000.000           |
| 2.4        | <b>KP thực hiện PC dạy học sinh khuyết tật theo TTLT 28</b>                                         |  | <b>200.000.000</b>   |
|            | KP thực hiện PC dạy học sinh khuyết tật theo NĐ 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012                        |  | 200.000.000          |
| 2.6        | <b>Hỗ trợ HS ở vùng có điều kiện Kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP</b> |  | <b>52.000.000</b>    |
|            | - Hỗ trợ HS theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP                                                           |  | 52.000.000           |
| <b>III</b> | <b>CHI HỌC PHÍ</b>                                                                                  |  | <b>1.303.000.000</b> |
| <b>1</b>   | <b>Chi con người</b>                                                                                |  | <b>750.020.800</b>   |
| *          | <b>Lương</b>                                                                                        |  | <b>521.200.000</b>   |
|            | 40% để lại thực hiện cải cách tiền lương                                                            |  | 521.200.000          |
| *          | <b>Tiền công hợp đồng + đóng BHXH, KPCĐ</b>                                                         |  | <b>228.820.800</b>   |
|            | Bảo vệ 2 người x 3.860.000 đ/người/tháng x 12 tháng x 123,5%                                        |  | 114.410.400          |
|            | Tạp vụ 2 người x 3.860.000 đ/người/tháng x 12 tháng x 123,5%                                        |  | 114.410.400          |
| <b>2</b>   | <b>Nhóm chi hành chính, công vụ</b>                                                                 |  | <b>64.100.000</b>    |
| *          | <b>Vật tư văn phòng :</b>                                                                           |  | <b>50.000.000</b>    |
|            | Công cụ dụng cụ văn phòng                                                                           |  | 10.000.000           |
|            | May khăn trái bàn phòng hội đồng                                                                    |  | 10.000.000           |
|            | CCDC vệ sinh                                                                                        |  | 10.000.000           |
|            | Vật tư văn phòng khác                                                                               |  | 20.000.000           |
| *          | <b>Thông tin, tuyên truyền liên lạc:</b>                                                            |  | <b>2.100.000</b>     |
|            | Cước phí bưu chính                                                                                  |  | 1.000.000            |
|            | Chuyển fax nhanh                                                                                    |  | 100.000              |
|            | Lệ phí công chứng                                                                                   |  | 1.000.000            |
| *          | <b>Công tác phí :</b>                                                                               |  | <b>12.000.000</b>    |
|            | Khoản công tác phí : 500.000 đ/người/tháng * 2 người * 12 tháng                                     |  | 12.000.000           |
| <b>3</b>   | <b>Nhóm chi chuyên môn nghiệp vụ</b>                                                                |  | <b>213.000.000</b>   |
| *          | <b>Chi phí thuê mướn :</b>                                                                          |  | <b>125.000.000</b>   |
|            | Giám thị 3 người * 1.000.000 đ/người/tháng * 9 tháng                                                |  | 27.000.000           |
|            | Thuê nhân công lao động, dọn vệ sinh: 4.000.000 đ/tháng x 12 tháng                                  |  | 48.000.000           |
|            | Chi phí thuê mướn khác                                                                              |  | 50.000.000           |
| *          | <b>Nghệ vụ chuyên môn :</b>                                                                         |  | <b>67.000.000</b>    |
|            | Mua sổ sách                                                                                         |  | 5.000.000            |
|            | Mua hoa khai giảng, tổng kết, các ngày lễ                                                           |  | 2.000.000            |
|            | Cắt băng rôn, khẩu hiệu khai giảng, tổng kết, các ngày lễ, kỳ thi                                   |  | 5.000.000            |
|            | Chi NVCM khác                                                                                       |  | 50.000.000           |
|            | Phô tô tài liệu chuyên môn, công văn,...                                                            |  | 5.000.000            |

|          |                                                  |  |                    |
|----------|--------------------------------------------------|--|--------------------|
| *        | <b>Hoạt động Ban PBGDPL</b>                      |  | <b>6.000.000</b>   |
|          | 1. Tuyên truyền Luật An ninh mạng                |  | 2.000.000          |
|          | 2. Tuyên truyền ATGT                             |  | 2.000.000          |
|          | 3. Tuyên truyền p/c các tệ nạn xã hội            |  | 2.000.000          |
| *        | <b>Hoạt động Tổ TVTL</b>                         |  | <b>15.000.000</b>  |
|          | Tổ chức tư vấn tâm lý cho học sinh nữ (08/3)     |  | 5.000.000          |
|          | Tuyên truyền p/c đuối nước, TNTT, PCCC           |  | 5.000.000          |
|          | Tuyên truyền GD sức khỏe SSVTN                   |  | 5.000.000          |
| *        | <b>Tiền thưởng :</b>                             |  | <b>-</b>           |
| <b>4</b> | <b>Nhóm chi mua sắm, sửa chữa</b>                |  | <b>225.000.000</b> |
| *        | <b>Chi phí sửa chữa thường xuyên</b>             |  | <b>200.000.000</b> |
|          | Sửa chữa hệ thống điện dây 10 phòng học phía Bắc |  | 50.000.000         |
|          | Sửa chữa cửa nhà , phòng học                     |  | 50.000.000         |
|          | Sửa chữa hệ thống nước                           |  | 20.000.000         |
|          | Sửa chữa khác                                    |  | 50.000.000         |
|          | Đóng giếng nhà đa năng                           |  | 30.000.000         |
| *        | <b>Nâng cấp phần mềm kế toán, tài sản</b>        |  | <b>25.000.000</b>  |
|          | Nâng cấp phần mềm kế toán online                 |  | 10.000.000         |
|          | Mua phần mềm quản lý tài sản                     |  | 15.000.000         |
| <b>5</b> | <b>Chi khác</b>                                  |  | <b>50.879.200</b>  |
|          | Hỗ trợ đại hội Đảng bộ                           |  | 45.000.000         |
|          | Chi khác                                         |  | 5.879.200          |